

Bản gốc

ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ
TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH TỈNH LÀO CAI

Cơ quan chủ quản: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai
Cơ quan chủ trì: Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS Nguyễn Hữu Trọng

Hà Nội, năm 2023

ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ
TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH TỈNH LÀO CAI

Cơ quan chủ quản: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai
Cơ quan chủ trì: Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS Nguyễn Hữu Trọng

Hà Nội, năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3281 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 25 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện 04
nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 6/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 04/2/2021 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thực hiện năm 2023 (lần 1);

Căn cứ Quyết định số 2645/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thực hiện năm 2023 (lần 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 90/TTr-SKH-CN ngày 18/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện 04 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tổng số: 04 đề tài.
2. Tổng kinh phí: 9.111,453 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn ngân sách địa phương: 7.713,7 triệu đồng.

- Nguồn vốn khác: 1.397,753 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Sở Tài chính cấp phát kinh phí, giám sát việc sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện. Sở Khoa học và Công nghệ thanh toán, chi trả kinh phí thực hiện; kiểm tra, theo dõi về nội dung và tiến độ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ. Phối hợp với Sở Tài chính thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc nhà nước tỉnh; thủ trưởng đơn vị liên quan, Chủ nhiệm đề tài căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, PCT3;
- Như điều 3 QĐ;
- Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng;
- Viện Bảo vệ thực vật;
- TT Triển khai Công nghệ Khoáng chất;
- PH Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai;
- CVP, PCVP1;
- Lưu: VT, TH1, VX2.



Giàng Thị Dung

Số: 3281/QĐ-UBND
 Thời gian ký: 25/12/2023 13:42:50 +07:00

PHỤ BIỂU
CHI TIẾT NHIỆM VỤ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: 1.000 đồng														
Số TT	Tên nhiệm vụ	Tổ chức chủ trì	Cá nhân chủ nhiệm	Phương thức khoán	Thời gian thực hiện	Dự kiến thu hồi sau khi kết thúc đề tài	Tổng kinh phí	Nguồn ngân sách địa phương						Nguồn vốn khác
								Tổng số	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+15	9=10+...+14	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng					0	9.111.453	7.713.700	2.000.000	2.200.000	2.607.500	707.000	199.200	1.397.753
1	Đề tài: Nghiên cứu chọn giống Bồ đề sinh trưởng nhanh, cho sản lượng nhựa cao và giải pháp phòng trừ loài sâu hại chính theo hướng hữu cơ tại Lào Cai	Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng	Chủ nhiệm đề tài: Trần Viết Thăng	Khoán chi từng phần	36 tháng. Bắt đầu từ khi Hợp đồng được ký kết	0	2.244.810	1.999.200	500.000	500.000	500.000	300.000	199.200	245.610
	Trong đó nguồn Ngân sách địa phương:													
	- Kinh phí được giao khoán							1.825.637						
	- Kinh phí không được giao khoán							173.563						
2	Đề tài: Nghiên cứu nguyên nhân và biện pháp khắc phục hiện tượng rụng quả trên cây hồng tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	Viện Bảo vệ thực vật	Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Hồng Tuyền	Khoán chi từng phần	24 tháng. Bắt đầu từ khi Hợp đồng được ký kết	0	1.598.682	1.507.500	500.000	500.000	507.500			91.182
	Trong đó nguồn Ngân sách địa phương:													
	- Kinh phí được giao khoán							1.507.500						
	- Kinh phí không được giao khoán							0						
3	Đề tài: Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ phát triển bền vững du lịch tỉnh Lào Cai	Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất	Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Hữu Trọng	Khoán chi từng phần	24 tháng. Bắt đầu từ khi Hợp đồng được ký kết	0	1.949.840	1.778.500	500.000	500.000	600.000	178.500		171.340
	Trong đó nguồn Ngân sách địa phương:													
	- Kinh phí được giao khoán							1.778.500						
	- Kinh phí không được giao khoán							0						

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Tên nhiệm vụ	Tổ chức chủ trì	Cá nhân chủ nhiệm	Phương thức khoán	Thời gian thực hiện	Dự kiến thu hồi sau khi kết thúc đề tài	Tổng kinh phí	Nguồn ngân sách địa phương						Nguồn vốn khác
								Tổng số	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+15	9=10+...+14	10	11	12	13	14	15
4	Đề tài: Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch nông nghiệp sinh thái bền vững trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Bắc Hà và Bảo Yên tỉnh Lào Cai	Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai	Chủ nhiệm đề tài: Th.S Nguyễn Thị Tân	Khoán chi từng phần	30 tháng. Bắt đầu từ khi Hợp đồng được ký kết	0	3.318.121	2.428.500	500.000	700.000	1.000.000	228.500		889.621
	Trong đó nguồn Ngân sách địa phương:													
	- Kinh phí được giao khoán							1.374.800						
	- Kinh phí không được giao khoán							1.053.700						

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 26 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC

Số: 21 /2023/HĐKH-CN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước;

Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;

Quyết định số 3281/QĐ-UBND, ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện 04 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2023.

CHÚNG TÔI GỒM:

1. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÀO CAI (Bên A):

Đại diện là Ông: Bùi Khắc Hiền

Chức vụ: Giám đốc Sở.

Địa chỉ: Đường F3, tiểu khu 5, phường Bắc Cường, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: CQ: 0214 3824 557

Số tài khoản: 9527.2.1016722 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai

2. TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT (Bên B):

Đại diện là Ông: Tô Xuân Bản

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phòng B1-2, tầng 1, nhà B, trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18 phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37523043

Số tài khoản: 3713.0.9082023

Mở tại: Kho bạc Nhà nước quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

*** Chủ nhiệm Đề tài:** TS. Nguyễn Hữu Trọng

Điện thoại: 094 883 4038

Tên tổ chức đang công tác: Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện đề tài: *"Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ phát triển bền vững du lịch tỉnh Lào Cai"* (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài.

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài *"Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ phát triển bền vững du lịch tỉnh Lào Cai"* theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Đề tài là 24 tháng, bắt đầu từ khi ký hợp đồng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài.

1. Đề tài được thực hiện theo hình thức: Khoán chi từng phần.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài là 1.949.840.000 đồng (bằng chữ: *Một tỷ, chín trăm bốn chín triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 1.778.500.000 đồng (bằng chữ: *Một tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*). Trong đó kinh phí khoán: 1.778.500.000 đồng (bằng chữ: *Một tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- Kinh phí từ nguồn khác: 171.340.000 đồng (bằng chữ: *Một trăm bảy mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

3. Tiến độ cấp kinh phí: Theo quyết định số 3281/QĐ-UBND, ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện 04 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2023. Cụ thể: Năm 2023 là 500.000.000 đồng; năm 2024 là 500.000.000 đồng; năm 2025 là 600.000.000 đồng; năm 2026 là 178.500.000 đồng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;
- b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;
- c) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);
- d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;
- đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo Thuyết minh;
- e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài;
- g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;
- h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;
- i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;
- k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Đề tài, bàn giao kết quả thực hiện Đề tài cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đề tài và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt, như sau:

Hồ sơ phục vụ nghiệm thu: 13 bộ hồ sơ nghiệm thu và các tài liệu, sản phẩm minh chứng (Trình hợp Hội đồng Tư vấn KH&CN tỉnh nghiệm thu).

Các sản phẩm sau khi hợp nghiệm thu:

- 05 bộ đóng quyển bìa cứng mạ chữ tên báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài đã được chỉnh sửa theo ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ tỉnh tại phiên họp nghiệm thu (Bao gồm cả phụ lục các sản phẩm dạng II).

- 02 USB sao chép kết quả nghiên cứu Đề tài (bao gồm: Thuyết minh đã được duyệt; Bộ dữ liệu tài nguyên du lịch tự nhiên; Bản đồ tài nguyên du lịch tự nhiên tỉnh Lào Cai, thể hiện toàn bộ các điểm, cụm điểm tài nguyên du lịch tự nhiên trên phần mềm mapinfo phục vụ công tác truyền nhập dữ liệu API; Các bản vẽ chi tiết hóa các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên tiêu biểu dưới dạng các Mocket; Báo cáo các tai biến địa chất tiềm ẩn, các tác động khai thác tài nguyên đến tài nguyên du lịch tự nhiên, đề xuất các giải pháp giảm thiểu; Báo cáo đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị các tài nguyên du lịch tự nhiên tỉnh Lào Cai; Bộ dữ liệu tài nguyên du lịch tự nhiên được tích hợp cơ sở dữ liệu qua API, hỗ trợ cung cấp cập nhật vào công du lịch thông minh của tỉnh Lào Cai, phục vụ công tác chuyển đổi số; Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt).

- 30 ảnh tư liệu ép plastic ghi lại quá trình thực hiện đề tài; 02 bài báo trên tạp chí Quốc gia có uy tín.

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Đề tài;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt

hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Đề tài sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Đề tài cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước số kinh phí do các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành trên tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài nếu do lỗi khách quan hoặc kinh phí do các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành trên tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí do các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài nếu do lỗi khách quan hoặc kinh phí do các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành trên tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Các sản phẩm vật chất của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước; nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Thanh toán, chuyển tiền hợp đồng và hồ sơ, chứng từ quyết toán lưu giữ tại tổ chức chủ trì

1. Thanh toán, chuyển tiền:

a) Hình thức thanh toán, chuyển tiền: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam.

c) Bên A sẽ tạm ứng cho bên B mức kinh phí lần đầu theo quy định tại hợp đồng đã ký kết không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện đề tài được duyệt từ ngân sách nhà nước và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước của năm được cấp có thẩm quyền giao trong vòng 15 ngày kể từ ngày kinh phí thực hiện đề tài được cấp có thẩm quyền cấp.

d) Bên A tạm ứng cho Bên B các đợt tiếp theo chỉ thực hiện đối với đề tài đã thanh toán tối thiểu bằng 50% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó, trừ trường hợp mua sắm thiết bị chưa đủ thủ tục thanh toán vì lý do khách quan được đơn vị quản lý kinh phí (đối với trường hợp tổ chức chủ trì không phải là đơn vị quản lý kinh phí) hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài (đối với trường hợp tổ chức chủ trì đồng thời là đơn vị quản lý kinh phí) xác nhận trên cơ sở đề nghị của tổ chức chủ trì; không vi phạm các quy định hiện hành của nhà nước liên quan đến tổ chức triển khai đề tài.

e) Đối với thanh toán lần cuối cần bổ sung Thông báo hoặc Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài từ mức “Đạt” trở lên.

g) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thanh toán và tạm ứng quy định cụ thể tại Thông tư số: 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015.

h) Hàng năm đơn vị chủ trì nộp quyết toán kinh phí (Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện theo hợp đồng) trước ngày 15 tháng 12; Nộp Báo cáo quyết toán đề tài theo quy định trước ngày 20 tháng 02 của năm tiếp theo.

2. Hồ sơ, chứng từ quyết toán lưu giữ tại tổ chức chủ trì

Hồ sơ, chứng từ của đề tài quy định cụ thể tại Thông tư số: 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015.

Điều 9. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, Hợp đồng được lập thành 15 bản có giá trị pháp lý như nhau (Sở Khoa học và Công nghệ: 10 bản; Sở Tài chính: 02 bản; Bên B: 02 bản; 01 bản gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai)./ *Ab*

BÊN A
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
GIÁM ĐỐC *u*



GIÁM ĐỐC
Bùi Khắc Hiền

BÊN B
TRUNG TÂM TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

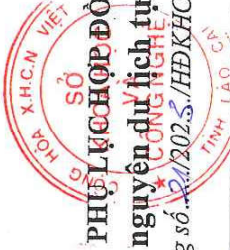


TS. Tô Xuân Bản

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

42

TS. Nguyễn Hữu Trọng



Đề tài: Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ phát triển bền vững du lịch tỉnh Lào

Kèm theo Hợp đồng số 24/2023 /HĐKHCHN ngày 26/12/2023

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung các nội dung chi	Đơn vị	Kinh phí được duyệt			Trong đó		Ghi chú
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	NSNN	Đối ứng	
I	Tiền công lao động trực tiếp				1,514,517,000	1,444,117,000	70,400,000	
1	Chức nhiệm đề tài	Tháng	24	6,400,000	153,600,000	153,600,000	0	
2	Thư ký	Tháng	24	1,920,000	46,080,000	46,080,000	0	
3	Thành viên chính	Tháng	77	1,163,636	89,600,000	25,600,000	64,000,000	
4	Thành viên	Tháng	30	597,333	17,920,000	17,920,000		
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Tháng	48	290,667	13,952,000	7,552,000	6,400,000	
II	Chi phí công lao động theo định mức				1,193,365,000	1,193,365,000		
1	Nội dung 1. Thu thập, tổng hợp các tài liệu, thành lập các bản đồ địa hình và địa chất tỷ lệ 1:100.000 toàn tỉnh, phân tích ảnh viễn thám Công việc 1.1. Thu thập các dữ liệu quy hoạch du lịch, bản đồ địa hình, địa chất khoáng sản, địa mạo khu vực tỉnh Lào Cai.							
	Công việc 1.1.4. Số hóa bản đồ địa hình toàn tỉnh tỷ lệ 1:100.000 theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 6 độ	Mảnh	1	12,072,000	12,072,000	12,072,000		
	Công việc 1.1.5. Số hóa bản đồ địa chất toàn tỉnh tỷ lệ 1:100.000 trên nền bản đồ địa hình 1/100.000 theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 6 độ.	Mảnh	1	12,072,000	12,072,000	12,072,000		

	Công việc 1.1.6. Biên tập, số hóa bản đồ địa hình 1/50.000 theo các huyện phục vụ công tác khảo sát thực địa (Sa Pa, Bát Xát, Bảo Yên, Bảo Thắng, Si Ma Cai, Văn Bàn, Mường Khương, Bắc Hà, TP Lào Cai)	Mảnh	1	12,072,968	12,072,968	12,072,968	
	Công việc 1.2. Phân tích ảnh viễn thám	Km2	6384	11,975	76,448,400	76,448,400	
2	Nội dung 2. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn TNDLTN trên địa bàn các huyện						
	Công việc 2.1. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn TNDLTN thành phố Lào Cai.						
	Thực địa	Km	40	214,800	8,592,000	8,592,000	
	Trong phòng	Km	40	224,025	8,961,000	8,961,000	
	Công việc 2.2. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch huyện Bảo Thắng.						
	Thực địa	Km	100	320,610	32,061,000	32,061,000	
	Trong phòng	Km	100	334,360	33,436,000	33,436,000	
	Công việc 2.3. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch huyện Bảo Yên.						
	Thực địa	Km	180	320,606	57,709,080	57,709,080	
	Trong phòng	Km	180	334,356	60,184,080	60,184,080	
	Công việc 2.4. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch huyện Văn Bàn.						
	Thực địa	Km	150	320,606	48,090,900	48,090,900	
	Trong phòng	Km	150	334,353	50,152,950	50,152,950	

	Công việc 2.5. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch huyện Sa Pa.								
	Thực địa	Km	120	400,758	48,090,960	48,090,960			
	Trong phòng	Km	120	417,941	50,152,920	50,152,920			
	Công việc 2.6. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch huyện Bát Xát.								
	Thực địa	Km	150	320,607	48,091,050	48,091,050			
	Trong phòng	Km	150	334,353	50,152,950	50,152,950			
	Công việc 2.7. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch huyện Mường Khương.								
	Thực địa	Km	100	320,610	32,061,000	32,061,000			
	Trong phòng	Km	100	334,360	33,436,000	33,436,000			
	Công việc 2.8. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch huyện Bắc Hà.								
	Thực địa	Km	120	320,725	38,487,000	38,487,000			
	Trong phòng	Km	120	334,358	40,122,960	40,122,960			
	Công việc 2.9. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn tài nguyên du lịch huyện Si Ma Cai.								
	Thực địa	Km	50	320,600	16,030,000	16,030,000			
	Trong phòng	Km	50	334,360	16,718,000	16,718,000			
3	Nội dung 3. Khảo sát thực địa, thu thập và hệ thống hóa các nguồn TNDLTN các khu vực tiêu biểu, thành lập các mocket								
	Công việc 3.1. Khảo sát chi tiết các di sản địa chất và TNDL khu vườn quốc gia Hoàng Liên.								
	Thực địa	Km2	34	634,941	21,587,994	21,587,994			

	Trong phòng	Km2	34	481,823	16,381,982	16,381,982		
	Công việc 3.2. Khảo sát chi tiết các di sản địa chất và TNDL khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Vần							
	Thực địa	Km2	30	634,933	19,047,990	19,047,990		
	Trong phòng	Km2	30	481,833	14,454,990	14,454,990		
	Công việc 3.3. Khảo sát chi tiết các di sản địa chất và TNDL khu khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát.							
	Thực địa	Km2	22	634,909	13,967,998	13,967,998		
	Trong phòng	Km2	22	481,818	10,599,996	10,599,996		
	Công việc 3.4. Khảo sát chi tiết các di sản địa chất và TNDL khu vực Bắc Hà.							
	Thực địa	Km2	80	244,700	19,576,000	19,576,000		
	Trong phòng	Km2	80	185,700	14,856,000	14,856,000		
	Công việc 3.5. Khảo sát chi tiết các di sản địa chất và TNDL khu vực Si Ma Cai.							
	Thực địa	Km2	28	634,928	17,777,984	17,777,984		
	Trong phòng	Km2	28	481,821	13,490,988	13,490,988		
	Công việc 3.6. Khảo sát chi tiết các di sản địa chất và TNDL khu vực bãi đá cổ Sa Pa.							
	Thực địa	Km2	81	241,679	19,575,999	19,575,999		
	Trong phòng	Km2	81	183,407	14,855,967	14,855,967		
	Công việc 3.7. Khảo sát chi tiết các di sản địa chất và TNDL khu vực huyện Bát Xát.							
	Thực địa	Km2	126	155,365	19,575,990	19,575,990		
	Trong phòng	Km2	126	117,904	14,855,904	14,855,904		
4	Nội dung 4. Khảo sát, đánh giá các tài biến tiềm ẩn tác động đến tài nguyên du lịch tỉnh Lào Cai							

	Công việc 4.1. Khảo sát, đánh giá tác động từ hoạt động khai thác khoáng sản, vật liệu xây đến tài nguyên du lịch tự nhiên								
	<i>Đánh giá khoáng sản (dự án)</i>	<i>Dự án</i>	<i>I</i>	35,016,000	35,016,000	35,016,000			
	Công việc 4.2. Khảo sát, đánh giá các tài biến địa chất tiềm ẩn của các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên.								
	<i>Đánh giá khoáng sản (dự án)</i>	<i>Dự án</i>	<i>I</i>	35,016,000	35,016,000	35,016,000			
	Công việc 4.3. Đề xuất các giải pháp bảo tồn, khai thác bền vững và phát huy giá trị nguồn tài nguyên du lịch tỉnh Lào Cai								
	<i>Đánh giá khoáng sản (dự án)</i>	<i>Dự án</i>	<i>I</i>	35,016,000	35,016,000	35,016,000			
5	<i>Nội dung 5. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về TNDL và bản đồ TNDLTN tỉnh Lào Cai tỷ lệ 1:100.000</i>								
	Công việc 5.2. Xây dựng bản đồ tài nguyên du lịch tự nhiên tỷ lệ 1:100.000 toàn tỉnh (dự án)	<i>Dự án</i>	<i>I</i>	72,516,000	72,516,000	72,516,000			
III	Thuế chuyên gia								
IV	Nguyên vật liệu năng lượng								
V	Chi khác								
1	Công tác phí					350,640,000	249,700,000	100,940,000	
2	Chi hội đồng nghiệm thu tổng kết cấp cơ sở					224,900,000	224,900,000		
2	photo, in ấn, văn phòng phẩm					4,800,000	4,800,000		
4	Phân tích mẫu					20,000,000	20,000,000		
	<i>Lấy mẫu nước</i>					100,940,000	0	100,940,000	
	<i>Lấy mẫu lát mỏng</i>					44,950,000		44,950,000	
	<i>Lấy mẫu khoáng tương</i>					13,290,000		13,290,000	
	<i>Quan trắc, đo đạc</i>					12,700,000		12,700,000	
						30,000,000		30,000,000	
V	Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN					84,683,000	84,683,000		
	Tổng cộng					1,949,840,000	1,778,500,000	171,340,000	

ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI
NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG DU LỊCH TỈNH LÀO CAI

Hà Nội, năm 2023

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài: Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ phát triển bền vững du lịch tỉnh Lào Cai	1a	Mã số:
2	Thời gian thực hiện: 24 tháng (tính từ ngày ký hợp đồng)	3	Cấp quản lý
		Bộ ☐	
		Tỉnh ☒	Cơ sở ☐
4	Tổng kinh phí thực hiện: 1.949.840.000 đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (đồng)	
	- Từ ngân sách sự nghiệp KH	1.778.500.000 đồng	
	- Từ nguồn tự có của tổ chức	0	
	- Từ nguồn khác	171.340.000 đồng	
5	Phương thức khoán chi		
	☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng	☒ Khoán từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán: 1.778.500.000 đồng	
		- Kinh phí không khoán: 0 đồng	
6	☐ Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số:		
	☒ Thuộc dự án KH&CN		
	☐ Độc lập		
	☐ Khác		
7	Lĩnh vực khoa học		
	☐ Tự nhiên; ☐ Nông, lâm, ngư nghiệp;		
	☒ Kỹ thuật và công nghệ; ☐ Y dược;		
8	Chủ nhiệm đề tài		
	Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng		
	Ngày tháng năm sinh: 22/11/1987, giới tính: Nam		
	Học hàm, học vị/ trình độ chuyên môn: Tiến sỹ		
	Chức danh khoa học: không; Chức vụ: Nghiên cứu viên		
	Điện thoại Mobile: 0948.834.038		
	Điện thoại Trung tâm: 02437523043 Điện thoại nhà riêng:		
	Fax: 02437523043; Email: nguyenuutrong@humg.edu.vn		
	Tên tổ chức đang công tác: Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất		
	Địa chỉ: Phòng B1-2, nhà B, trường Đại học Mỏ - Địa chất, phường Đức Thắng,		

12	Các cán bộ thực hiện đề tài		
TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nội dung, công việc chính tham gia	Tổ chức công tác
1	TS. Nguyễn Hữu Trọng	Chủ nhiệm đề tài	Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
2	PGS.TS. Lê Tiến Dũng	Thư ký đề tài	Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
3	ThS. Trần Văn Đức	Thành viên chính tham gia thực hiện đề tài	Trung tâm Hỗ trợ chuyển giao công nghệ
4	TS Tô Xuân Bản	Thành viên chính tham gia thực hiện đề tài	Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
5	ThS. Trương Đức Tuấn	Thành viên chính tham gia thực hiện đề tài	Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
6	ThS. Kiều Thế Hanh	Thành viên chính tham gia thực hiện đề tài	Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
7	CN. Tạ Xuân Hải	Thành viên chính tham gia thực hiện đề tài	Trung tâm Hỗ trợ chuyển giao công nghệ
8	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thành viên chính tham gia thực hiện đề tài	Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
9	ThS. Đinh Bảo Ngọc	Thành viên chính tham gia thực hiện đề tài	Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất
10	Hà Văn Thắng	Thành viên chính tham gia thực hiện đề tài	Sở Du lịch tỉnh Lào Cai

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13	Mục tiêu đề tài:		
	Mục tiêu chung: Góp phần phát triển ngành kinh tế du lịch, bảo vệ môi trường trên cơ sở điều tra nghiên cứu và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể: (1). Nghiên cứu, điều tra tổng thể, thống kê, phân loại, xếp hạng các loại hình tài nguyên du lịch tự nhiên. (2). Điều tra chi tiết hoá tài nguyên du lịch tự nhiên trong một số khu vực tiêu biểu, có giá trị cao về khoa học, giáo dục, văn hóa, thẩm mỹ. (3). Xây dựng bộ dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên. (4). Tích hợp bộ dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên, cập nhật vào cổng du lịch thông minh của tỉnh Lào Cai.		
14	Tình trạng đề tài		
	☒ Mới	☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả	
		☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác	
15	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài		
15.1	Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài		

sản và bảo vệ môi trường. Trong lĩnh vực nghiên cứu tài nguyên du lịch tự nhiên, nghiên cứu di sản địa chất, đơn vị đã triển khai ở một số tỉnh như Ninh Bình, Hòa Bình và hiện nay đơn vị đang triển khai đề tài tại tỉnh Bắc Cạn. Căn cứ trên kinh nghiệm thực tế và lý luận khoa học, cùng với các công sự là các giáo sư, tiến sỹ đã có các chuyên gia địa chất uy tín, việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với đề tài **“Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ phát triển bền vững du lịch tỉnh Lào Cai”** hoàn toàn có thể đáp ứng được các mục tiêu và kết quả sản phẩm theo yêu cầu đặt hàng của tỉnh.

Đề tài được thực hiện trong thời gian 24 tháng, với 6 nội dung công việc chính, tổng kinh phí ngân sách địa phương được dự toán được xác định là **1.949.840.000** đồng, trong đó, kinh phí khoán là **1.778.500.000** đồng và kinh phí không khoán là **0** đồng và kinh phí ngoài ngân sách là **171.340.000** đồng.

Lào Cai, ngày 26 tháng 12 năm 2023

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



TS Nguyễn Hữu Trọng

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI
THỦ TRƯỞNG



TS Tô Xuân Bản

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÀO CAI



GIÁM ĐỐC
Bùi Khắc Hiền